

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/10/2019
Về việc: Không công nhận vợ chồng
giữa bà H và ông L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Vân.
2. Bà Nguyễn Thị Lại.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 155/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1971 (Có mặt).
 2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Bá L – sinh năm 1967 (Có mặt).
- Đều trú quán: Thôn T, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa phía nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Bá L có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang vào ngày 12/11/1988 (âm lịch), tuy nhiên hiện tại ông bà đã làm thất lạc giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bà đi xuất khẩu lao động, từ đó vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Những lần bà về thăm nhà đều bị ông L mắng chửi, đuổi bà ra khỏi nhà và bắt bà viết đơn ly hôn. Đến tháng 9/2018, bà về nước và về sống chung với ông L thì mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, ông L không thay đổi mà còn nhiều lần đánh chửi bà và đuổi

bà ra khỏi nhà. Do đó đến cuối tháng 10/2018, bà về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì vợ chồng cũng không qua lại hỏi thăm để hàn gắn tình cảm gia đình, đời sống chung không hạnh phúc và mục đích của hôn nhân không đạt được; do vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông L là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà và ông L có 02 con chung là anh Nguyễn Bá Tr – sinh ngày 07/02/1990 và chị Nguyễn Thị N – sinh ngày 21/01/1993. Nay các con đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, ruộng canh tác chung, công nợ chung: Bà xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Bá L trình bày tại các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác nhận lời trình bày của bà H về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn là đúng. Đối với giấy chứng nhận kết hôn thì ông bà không lưu giữ được. Theo ông, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2011 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng xuất phát từ việc bà H không quan tâm đến gia đình, ông đã khuyên bảo nhiều lần nhưng bà H không thay đổi. Hơn nữa bà H còn tự ý đi lao động ở nước ngoài mà không được sự đồng ý của ông. Sau khi bà H về nước, vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không nói chuyện, hỏi han gì nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông cũng đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà H là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông và bà H có hai con chung như bà H trình bày là đúng. Nay các con đều đã trưởng thành, đã lập gia đình và ra ở riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, ruộng canh tác chung, công nợ chung: Ông xác định ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Anh Nguyễn Bá Tr và chị Nguyễn Thị N tại các biên bản lấy lời khai đều trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn của bà H ông L là do ông bà tính tình không hợp, trong cuộc sống hay xảy ra xô xát, cãi vã; bà H đi lao động nước ngoài nhưng không được sự đồng ý của ông L. Gia đình, họ hàng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay bố mẹ ly hôn, anh chị không có ý kiến gì. Anh chị cùng xác định không có đóng góp gì vào tài sản chung của gia đình và không yêu cầu trích chia bất cứ phần công sức nào.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên: Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận bà H và ông L là vợ chồng, bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Nguyễn Bá L là vợ chồng; đối chiếu Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông L có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nhưng giấy chứng nhận kết hôn thì ông bà cùng xác nhận không lưu trữ được và không cung cấp được các tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc đăng ký kết hôn theo như trình bày của ông bà. Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn và qua xác minh tại UBND xã Quang Châu thì bà H ông L hiện sống tại địa phương và có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988. Hiện nay tại UBND xã Quang Châu không còn lưu trữ sổ sách về việc đăng ký kết hôn năm 1988.

Quá trình làm việc và tại phiên tòa, Toà án đã giải thích về việc đăng ký kết hôn lại cho bà H ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định 123/2015/NĐ-CP: *“Việc khai sinh, kết hôn, khai tử đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày 01/01/2016, nhưng Sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ hộ tịch đều bị mất thì được đăng ký lại”*. Tuy nhiên, cả bà H và ông L đều xác định để làm căn cứ xác định hôn nhân hợp pháp hay không hợp pháp, nếu phải đăng ký lại theo quy định thì ông bà cũng không làm thủ tục đăng ký lại mà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống đến năm 2013 thì bà H và ông L phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không hiểu nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Hiện tại thì bà H ông L không còn sống chung và đã ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tại các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, cả bà H và ông L đều xác định không còn tình cảm và đều đề nghị Tòa án không công nhận ông bà là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà H và ông L là đúng quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung là anh Nguyễn Bá Tr – sinh ngày 07/02/1990 và chị Nguyễn Thị N – sinh ngày 21/01/1993. Nay các con đều đã trưởng thành nên bà H và ông L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, ruộng canh tác chung, công nợ chung: Bà H và ông L đều xác định yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Bá L.

2. Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/05400 ngày 22/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND t. Bắc Giang;
- VKSND h. Việt Yên;
- THADS;
- UBND x. Quang Châu, h. Việt Yên;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Ngô Văn Quang